

THÔNG TƯ**Quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ
thuộc trách nhiệm của Bộ Y tế**

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2016;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc trách nhiệm của Bộ Y tế.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp Bộ Y tế (sau đây viết tắt là cấp Bộ): Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ; Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ; Đề án khoa học và công nghệ cấp Bộ; Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ; Dự án khoa học và công nghệ cấp Bộ; Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp Bộ.



2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc trách nhiệm của Bộ Y tế về nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng thuốc, thiết bị y tế, kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh và các nghiên cứu y sinh học khác trên đối tượng con người.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc trách nhiệm của Bộ Y tế.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng các quy định pháp luật trong quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ có nội dung nghiên cứu y sinh học trên đối tượng con người ngoài việc thực hiện theo quy định tại Thông tư này còn phải được Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học cấp quốc gia xem xét, thẩm định về khía cạnh khoa học và đạo đức theo quy định tại Thông tư số 4/TT-BYT ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học và các quy định sau đây:

a) Đối với thử thuốc trên lâm sàng: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BYT ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thử thuốc trên lâm sàng.

b) Đối với thử nghiệm lâm sàng kỹ thuật mới, phương pháp mới: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2015/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về công nhận nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh.

c) Đối với thử nghiệm lâm sàng thiết bị y tế: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.

2. Đối với các thử nghiệm lâm sàng thuốc, thiết bị y tế, kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh và các nghiên cứu y sinh học khác trên đối tượng con người không phải là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về nghiên cứu y sinh học trên đối tượng con người và thử nghiệm lâm sàng.

Điều 4. Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc trách nhiệm của Bộ Y tế

Mã số của nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Y tế quản lý được ghi như sau: CT.XXX/YY, ĐT.XXX/YY, ĐA.XXX/YY, DASXTN.XXX/YY, DAKHCN.XXX/YY, NVTN.XXX/YY, TNLS.XXX/YY. Trong đó:

1. CT là ký hiệu chung cho các chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ.
2. ĐT là ký hiệu chung cho các đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ.
3. ĐA là ký hiệu chung cho các đề án khoa học và công nghệ cấp Bộ.
4. DASXTN là ký hiệu chung cho các dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ.
5. DAKHCN là ký hiệu chung cho các dự án khoa học và công nghệ cấp Bộ.
6. NVTN là ký hiệu chung cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp Bộ.
7. TNLS là ký hiệu chung cho các thử nghiệm lâm sàng.
8. Nhóm XXX là nhóm 03 chữ số ghi số thứ tự của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt trong năm.
9. Nhóm YY là nhóm 02 chữ số ghi hai số cuối của năm phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ.
10. Giữa nhóm các chữ cái ký hiệu lĩnh vực với nhóm các chữ số ghi số thứ tự của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt trong năm là dấu chấm; giữa nhóm các chữ số ghi số thứ tự của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt trong năm với nhóm các chữ số ghi hai số cuối của năm phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ là dấu gạch chéo.

Điều 5. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển, định hướng của ngành y tế trong từng giai đoạn.
2. Có tầm quan trọng đối với sự phát triển của ngành y tế: làm nền tảng cho việc ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong dự phòng, chẩn đoán, điều trị bệnh ở người, phát triển dược phẩm, an toàn thực phẩm, môi trường y tế, thiết bị y tế và xây dựng chính sách y tế.
3. Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ trong phạm vi ngành y tế.
4. Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện.
5. Không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ, các phát minh, sáng chế trong và ngoài nước đã được các cơ quan bảo hộ sở hữu trí tuệ công nhận.
6. Các yêu cầu cụ thể đối với từng loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 6. Các yêu cầu cụ thể đối với từng loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ:
 - a) Có mục tiêu tạo ra kết quả khoa học và công nghệ phục vụ các định hướng ưu tiên phát triển thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế về: phát triển tiềm lực khoa học

và công nghệ trong một hoặc một số lĩnh vực; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực. Kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình.

b) Có nội dung bao gồm các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với nhau về chuyên môn.

c) Thời gian thực hiện của chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ không quá 10 năm, tính từ thời điểm phê duyệt, trong đó thời gian thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cụ thể phải phù hợp với quy định đối với từng loại nhiệm vụ.

2. Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ:

a) Giá trị thực tiễn: đáp ứng được yêu cầu thực tiễn phát triển của ngành y tế hoặc các lĩnh vực văn hóa, xã hội có liên quan đến sức khỏe.

b) Giá trị khoa học: giải quyết được những vấn đề khoa học, công nghệ mới ở mức tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực hoặc thế giới; tổng kết những quy luật tự nhiên, văn hóa xã hội có liên quan đến sức khỏe; góp phần nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của ngành y tế.

c) Tính khả thi: bảo đảm đủ nguồn lực để giải quyết được vấn đề nghiên cứu.

d) Giá trị ứng dụng: công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến phải có địa chỉ ứng dụng cụ thể hoặc có khả năng thương mại hóa.

đ) Có tối thiểu 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế.

e) Thời gian thực hiện đề tài không quá 36 tháng tính từ ngày ký hợp đồng khoa học và công nghệ cấp Bộ.

3. Đề án khoa học và công nghệ cấp Bộ:

a) Xây dựng đề án căn cứ vào các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt; các chương trình phối hợp giữa Bộ Y tế với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức trong nước, quốc tế khác.

b) Kết quả nghiên cứu của đề án là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế, chính sách, quy trình, văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn.

c) Thời gian thực hiện đề án không quá 24 tháng tính từ ngày ký hợp đồng khoa học và công nghệ cấp Bộ.

4. Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ:

a) Tổ chức chủ trì dự án phải cam kết khả năng huy động nguồn kinh phí tự có hoặc thông qua sự hợp tác với các doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ thử nghiệm:

- Tính hợp pháp phải bảo đảm một trong các tiêu chí sau:

+ Kết quả của đề tài khoa học và công nghệ cấp Quốc gia, cấp Bộ đã được hội đồng khoa học và công nghệ ở cấp tương ứng đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng.

+ Khai thác sáng chế.

+ Kết quả khoa học và công nghệ từ nước ngoài đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định công nhận.

- Có tính mới, tính tiên tiến so với công nghệ đang có ở Việt Nam hoặc có khả năng thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài.

- Dự kiến bảo đảm tính ổn định ở quy mô sản xuất nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển ở quy mô sản xuất hàng loạt.

- Có tác động nâng cao trình độ công nghệ của lĩnh vực sản xuất khi được áp dụng rộng rãi.

c) Thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm không quá 36 tháng tính từ ngày ký hợp đồng khoa học và công nghệ cấp Bộ.

5. Dự án khoa học và công nghệ cấp Bộ:

a) Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm ưu tiên, mũi nhọn được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt.

b) Kết quả tạo ra bảo đảm được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có ý nghĩa đối với phát triển khoa học và công nghệ của các ngành, lĩnh vực do Bộ Y tế quản lý.

c) Có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách và được các tổ chức tài chính, tín dụng, quỹ xác nhận tài trợ hoặc bảo đảm.

d) Có tiến độ phù hợp với tiến độ dự án đầu tư sản xuất.

d) Thời gian thực hiện không quá 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng khoa học và công nghệ cấp Bộ.

6. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp Bộ:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp Bộ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ tập trung nghiên cứu giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ đòi hỏi tính ứng dụng cao và có triển vọng tạo ra, phát triển hướng nghiên cứu mới hoặc sản phẩm mới thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm thuộc phạm vi quản lý cấp Bộ của Bộ Y tế. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp Bộ bao gồm đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, dự án khoa học và công nghệ cấp Bộ.

b) Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp Bộ:

- Có khả năng tạo ra những hướng nghiên cứu mới hoặc có khả năng tạo sản phẩm mới.

- Thời gian thực hiện không quá 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng khoa học và công nghệ cấp Bộ.

Handwritten signature



Điều 7. Sử dụng, chuyển giao kết quả hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

Tài sản hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp Bộ được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật liên quan.

Chương II

ĐỀ XUẤT, XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Điều 8. Đề xuất, xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ bao gồm:

a) Các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ do cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất căn cứ vào chủ trương của Đảng, Nhà nước, chiến lược, kế hoạch khoa học và công nghệ của ngành theo Mẫu 01, Mẫu 02, Mẫu 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, gửi về Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế.

b) Các đề xuất nhiệm vụ do Lãnh đạo Bộ chỉ đạo triển khai theo Mẫu 01, Mẫu 02, Mẫu 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, gửi về Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế.

2. Các tổ chức khoa học và công nghệ, đơn vị nghiên cứu căn cứ yêu cầu cụ thể quy định tại Điều 6 Thông tư này đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ.

3. Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế tổng hợp đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ quy định tại Khoản 1 Điều này theo từng nhóm lĩnh vực nghiên cứu theo Mẫu 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, lấy ý kiến Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ Y tế (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ). Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ, trình Lãnh đạo Bộ Y tế xem xét, phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ để đặt hàng thực hiện.

Điều 9. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ

1. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ do Bộ trưởng Bộ Y tế thành lập trên cơ sở đề xuất của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế, gồm từ 07 đến 11 thành viên là các nhà quản lý thuộc lĩnh vực của đề xuất nhiệm vụ, các chuyên gia, nhà khoa học có chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với đề xuất nhiệm vụ, trong đó có Chủ tịch, Phó Chủ tịch. Thư ký hành chính của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ là chuyên viên của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế.

2. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ có nhiệm vụ tư vấn, xác định danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất đặt hàng cấp Bộ trên cơ sở các yêu cầu cụ thể quy định tại Điều 6 Thông tư này. Nội dung tư vấn bao gồm: tên, mục tiêu, sản phẩm dự kiến đạt được và phương thức tổ chức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp) của từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Hoạt động của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ:

a) Hội đồng họp theo 01 trong các phương thức: trực tiếp, trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến.

b) Phiên họp Hội đồng phải có sự tham gia của ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó bắt buộc có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt.

c) Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ làm việc theo nguyên tắc dân chủ, độc lập, trung thực, khách quan, khoa học. Hội đồng thảo luận, thống nhất kết luận đối với các ý kiến khác nhau của thành viên (nếu có). Ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ được thông qua khi có ít nhất 3/4 số thành viên tham gia nhất trí. Thành viên của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ được quyền yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng, chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến tư vấn của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng (trong trường hợp không có ý kiến bảo lưu), giữ bí mật các thông tin nhận được, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

d) Trình tự làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ:

- Thư ký hành chính công bố Quyết định thành lập Hội đồng.
- Đại diện Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế tóm tắt yêu cầu đặt hàng của Bộ Y tế dựa trên chủ trương của Đảng, Nhà nước, chiến lược, kế hoạch khoa học và công nghệ của ngành.

- Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền chủ trì phiên họp.

- Hội đồng cử 01 thành viên làm thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập Biên bản phiên họp theo Mẫu 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

- Hội đồng thảo luận về các nội dung quy định tại Điều 6 Thông tư này.

- Hội đồng đánh giá các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ: các thành viên Hội đồng trình bày nhận xét theo Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo; Hội đồng thảo luận, đánh giá từng đề xuất theo Mẫu 03, Mẫu 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

- Thư ký khoa học tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Hội đồng theo Mẫu 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và công bố công khai kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp của Hội đồng. Đề xuất nhiệm vụ được đề nghị “Thực hiện” khi có ít nhất 3/4 tổng số Phiếu đánh giá “Đạt yêu cầu”.

- Đối với đề xuất nhiệm vụ được đề nghị “Thực hiện” thư ký khoa học tổng hợp kiến nghị của Hội đồng về các nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đặt hàng quy định tại Điều 8 Thông tư này, nguồn đề xuất nhiệm vụ theo Mẫu 06, Mẫu 07, Mẫu 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Thành viên Hội đồng thảo luận, cho ý kiến đối với tổng hợp kiến nghị của Hội đồng. Ý kiến kết luận của Hội đồng về các nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ và nguồn đề

xuất nhiệm vụ được thông qua khi có ít nhất 3/4 số thành viên tham gia nhất trí.

Điều 10. Phê duyệt danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Căn cứ kết quả tư vấn của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế tổng hợp danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét, phê duyệt. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Y tế lấy ý kiến chuyên gia độc lập trước khi phê duyệt danh mục đặt hàng.

2. Sau khi được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt, Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế có trách nhiệm thông báo công khai danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc Trang thông tin điện tử của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế để tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

Điều 11. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ giao đột xuất

1. Khi phát sinh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất do lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Y tế giao, các đơn vị được giao nhiệm vụ gửi đề xuất nhiệm vụ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này về Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế để trình Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định đặt hàng.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ giao đột xuất được ưu tiên thực hiện. Quy trình phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất được tiến hành ngay khi có yêu cầu, không phụ thuộc kế hoạch khoa học và công nghệ của năm. Việc phân bổ kinh phí được thực hiện ngay sau khi nhiệm vụ được phê duyệt, bảo đảm tính kịp thời.

Chương III

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Điều 12. Nguyên tắc, yêu cầu tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Việc tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ phải đáp ứng các nguyên tắc:

a) Việc tuyển chọn, giao trực tiếp phải bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan; kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc Trang thông tin điện tử của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

b) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được đánh giá thông qua Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (sau đây gọi là Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp) do Bộ trưởng Bộ Y tế thành lập. Việc đánh giá được tiến hành bằng phương thức chấm điểm theo các nhóm tiêu chí cụ thể quy định tại Điều 12 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN

ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN).

c) Trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế tham mưu trình Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định lựa chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Y tế lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

2. Mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ có 01 chủ nhiệm. Trường hợp đặc thù Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định theo đề xuất của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp.

Điều 13. Trách nhiệm tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế:

a) Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 7 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN. Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá là hồ sơ được chuẩn bị theo đúng quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN và các quy định có liên quan khác. Đối với hồ sơ không hợp lệ, Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế thông báo bằng văn bản cho các tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ.

b) Trình Bộ trưởng Bộ Y tế thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp theo quy định tại Điều 14 Thông tư này và tổ chức họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp.

c) Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế tổ chức họp thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Tổ thẩm định kinh phí được thành lập theo quy định tại Điều 15 Thông tư này) sau khi nhận được hồ sơ giải trình của đơn vị chủ trì đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN và văn bản rà soát, khẳng định sự phù hợp của nội dung nghiên cứu với kết luận của Hội đồng.

d) Trình Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định phê duyệt giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi nhận được và khẳng định hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và Tổ thẩm định kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

đ) Thông báo công khai kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN



trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc Trang thông tin điện tử của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế.

2. Tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp:

a) Chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc trách nhiệm quản lý cấp Bộ theo quy định tại Điều 5, 6 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN gửi về Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế.

b) Hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo ý kiến của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp theo quy định tại khoản 12 Điều 11 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN và Tổ thẩm định kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

3. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ có nội dung liên quan đến nghiên cứu y sinh học trên đối tượng con người: trước khi thực hiện, nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải được sự chấp thuận của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học theo quy định tại Thông tư số 4/TT-BYT ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học.

Điều 14. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp do Bộ trưởng Bộ Y tế thành lập trên cơ sở đề xuất của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế có từ 07 đến 09 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác. Thành viên Hội đồng là các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín, trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu chuyên ngành khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đại diện cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực liên quan và tổ chức sản xuất, kinh doanh dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (nếu có). Các chuyên gia, thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ tương ứng. Thư ký hành chính của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp là chuyên viên của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế.

2. Các trường hợp sau đây không được tham gia là thành viên Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp: cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ; cá nhân có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với cá nhân đăng ký chủ nhiệm.

3. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp có nhiệm vụ đánh giá hồ sơ; nghiên cứu phân tích từng nội dung, thông tin đã kê khai trong hồ sơ; nhận xét đánh



Quang

giá từng hồ sơ theo yêu cầu quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này; nhận xét đánh giá và luận giải cho việc đánh giá.

4. Hoạt động của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp:

a) Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp họp theo 01 trong các phương thức: trực tiếp, trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến.

b) Phiên họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp phải có sự tham gia của ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó bắt buộc có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt, các ủy viên phản biện.

c) Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp làm việc theo nguyên tắc dân chủ, độc lập, trung thực, khách quan, khoa học. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thảo luận, thống nhất kết luận đối với các ý kiến khác nhau của thành viên (nếu có). Ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp được thông qua khi có ít nhất 3/4 số thành viên tham gia nhất trí. Thành viên của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp được quyền yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng, chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến tư vấn của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng (trong trường hợp không có ý kiến bảo lưu), giữ bí mật các thông tin nhận được, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

d) Trình tự làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp:

- Thư ký hành chính công bố Quyết định thành lập Hội đồng.
- Đại diện Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế nêu những yêu cầu của đề xuất đặt hàng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ được tuyển chọn, giao trực tiếp (tên, định hướng mục tiêu, yêu cầu đối với sản phẩm).
- Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền chủ trì phiên họp.
- Hội đồng cử 01 thành viên làm thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập Biên bản phiên họp theo Mẫu 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

- Cá nhân được tổ chức đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cử làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ trình bày tóm tắt trước Hội đồng về đề cương nghiên cứu, đề xuất phương thức khoán chi, trả lời các câu hỏi của Hội đồng (nếu có) và không tiếp tục tham dự cuộc họp Hội đồng.

- Hội đồng đánh giá các hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp: các thành viên Hội đồng trình bày nhận xét theo Mẫu 02, Mẫu 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo; Hội đồng thảo luận, đánh giá từng hồ sơ theo nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá quy định tại Điều 12 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

Handwritten signature



- Các thành viên Hội đồng bỏ phiếu đánh giá, chấm điểm theo phương thức bỏ phiếu kín theo Mẫu 04, Mẫu 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

- Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên của Hội đồng trong đó có trưởng ban kiểm phiếu và 02 thành viên.

- Thư ký hành chính giúp ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng theo Mẫu 06 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Ban kiểm phiếu công bố công khai kết quả kiểm phiếu đánh giá tại cuộc họp của Hội đồng theo bảng tổng hợp kiểm phiếu tại Mẫu 07 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

- Hội đồng kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu quy định tại khoản 8 Điều 11 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

- Hội đồng kết luận chung về hồ sơ của tổ chức được kiến nghị trúng tuyển hoặc giao trực tiếp theo các nội dung quy định tại khoản 9 Điều 11 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

- Thư ký khoa học hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng. Hội đồng thông qua Biên bản cuộc họp.

Điều 15. Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế trình Bộ trưởng Bộ Y tế thành lập Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (sau đây gọi là Tổ thẩm định kinh phí).

2. Tổ thẩm định kinh phí gồm 5 thành viên, trong đó:

a) Tổ trưởng là Lãnh đạo Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế.

b) Tổ phó là Lãnh đạo Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế.

c) 01 thành viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp.

d) 01 thành viên là đại diện của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế.

đ) 01 thành viên là chuyên viên của Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế.

3. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định kinh phí:

a) Đánh giá sự phù hợp của dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ với nội dung nghiên cứu đã được Hội đồng thông qua và với quy định, định mức chi tiêu hiện hành; sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của Hội đồng.

b) Đánh giá phương án huy động và khả năng đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước của tổ chức chủ trì (nếu có) để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

cấp Bộ; đề xuất các văn bản cần bổ sung trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết).

c) Kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, thời gian thực hiện và phương thức khoán chi.

d) Báo cáo bằng văn bản cho Bộ trưởng Bộ Y tế và đề xuất phương án xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết, phát sinh trong quá trình xem xét hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

đ) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định kinh phí (trong trường hợp không có ý kiến bảo lưu); giữ bí mật về các thông tin liên quan theo quy định hiện hành. Thành viên Tổ thẩm định kinh phí được quyền yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của hội đồng.

4. Nhiệm vụ của thành viên Tổ thẩm định kinh phí:

a) Đối với thành viên là đại diện Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp: cho ý kiến về sự phù hợp giữa nội dung nghiên cứu được Hội đồng thông qua với nội dung dự toán kinh phí, thời gian cần thiết để thực hiện; cho ý kiến sự phù hợp về nhu cầu nhân lực theo đề xuất của đơn vị chủ trì (chi phí công khoa học, chi phí thuê chuyên gia trong/ngoài nước); cho ý kiến về sự phù hợp số lượng, yêu cầu đối với vật tư, hóa chất, nguyên nhiên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác.

b) Đối với thành viên là đại diện đơn vị quản lý nhà nước về kế hoạch, tài chính (Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế): Thẩm định về sự phù hợp của căn cứ lập dự toán với nội dung dự toán; thẩm định chi tiết về sự phù hợp giữa nội dung, dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ với chế độ quy định, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước.

c) Đối với thành viên là đại diện đơn vị quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ (Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế): Đánh giá phương án huy động và khả năng đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước của tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (nếu có); kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có); kiến nghị thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần; đề xuất các văn bản cần bổ sung trước khi phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết).

5. Nguyên tắc, trình tự, nội dung làm việc của Tổ thẩm định kinh phí: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13, Điều 14 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

Điều 16. Ký hợp đồng khoa học và công nghệ cấp Bộ

Cục trưởng Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế ký hợp đồng khoa học và công nghệ đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ sau khi đã

được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt theo mẫu hợp đồng quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 04 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ" (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN).

Chương IV

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Điều 17. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai sót làm ảnh hưởng đến mục tiêu, nội dung, tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ đã được phê duyệt.

2. Định kỳ 6 tháng một lần (vào tháng 3, tháng 9 hằng năm), tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện và sử dụng kinh phí về Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế theo mẫu quy định tại Điều 8 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN).

3. Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ ít nhất 01 lần trong thời gian thực hiện kể từ thời điểm hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có hiệu lực hoặc kiểm tra, đánh giá đột xuất theo yêu cầu quản lý. Thành phần tham gia, phương thức, nội dung, kinh phí, trình tự kiểm tra, đánh giá và xử lý sau khi kết thúc kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN.

Điều 18. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Trong quá trình thực hiện, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ được điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm, nội dung, thời gian, kinh phí, chủ nhiệm nhiệm vụ, tổ chức chủ trì nhiệm vụ và các điều chỉnh khác theo quy định tại Chương III Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN.

2. Điều chỉnh hợp đồng:

a) Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế thực hiện việc điều chỉnh hợp đồng trên cơ sở quyết định điều chỉnh của Bộ trưởng Bộ Y tế.

b) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được chủ động



ruar

sử dụng, quyết định điều chỉnh dự toán kinh phí (nếu có) đối với kinh phí được giao khoán theo quy định.

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 5 của Mẫu hợp đồng ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN.

2. Việc chấm dứt hợp đồng thực hiện theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Điều 22 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN.

Chương V

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Điều 20. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Căn cứ quyết định phê duyệt nhiệm vụ cấp Bộ, hợp đồng nghiên cứu đã ký kết và nội dung đánh giá nhiệm vụ.

2. Căn cứ vào hồ sơ đánh giá, nghiệm thu.

3. Bảo đảm tính dân chủ, khách quan, công bằng, trung thực và chính xác.

Điều 21. Đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Rà soát hồ sơ đề nghị nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá nghiệm thu. Đối với hồ sơ không hợp lệ, Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế thông báo bằng văn bản cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ để hoàn thiện theo quy định.

b) Trình Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (sau đây gọi tắt là Hội đồng nghiệm thu) khi hồ sơ đảm bảo quy định, tổ chức Hội đồng nghiệm thu. Trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng nghiệm thu, Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế tiến hành xử lý kết quả đánh giá nghiệm thu theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN).

c) Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

d) Thực hiện thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sau khi có văn bản công nhận kết quả của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về khoa



học và công nghệ, giấy chứng nhận đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm:

a) Chuẩn bị hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN gửi về Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế. Đối với các nhiệm vụ khoa học công nghệ về thử lâm sàng và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có đối tượng nghiên cứu là con người, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ còn phải gửi kèm theo hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

b) Thực hiện việc đăng ký và lưu trữ kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; cập nhật thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ lên phần mềm quản lý khoa học công nghệ ngành y tế, xác lập quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Điều 22. Hội đồng nghiệm thu và Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Hội đồng nghiệm thu và Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ do Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế. Thư ký hành chính của Hội đồng nghiệm thu là chuyên viên Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế.

2. Hội đồng nghiệm thu có từ 09 đến 11 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác. Thành viên Hội đồng là các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu chuyên ngành khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đại diện cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức sản xuất, kinh doanh thụ hưởng kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có). Các ủy viên phản biện của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp được ưu tiên mời tham gia Hội đồng nghiệm thu tương ứng.

3. Cá nhân là chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, cá nhân tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ, cá nhân có xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không được là thành viên Hội đồng nghiệm thu.

4. Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (sau đây viết tắt là Tổ chuyên gia) được thành lập trong trường hợp nhiệm vụ có sản phẩm đo kiểm được (sản phẩm dạng III theo quy định tại Biểu B1-2a, Biểu B1-2b, Biểu B1-2c và Biểu B1-2d tại Phụ lục I Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN). Tổ chuyên gia có 03 thành viên gồm các thành viên của Hội đồng nghiệm thu do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng làm Tổ trưởng.

5. Hội đồng nghiệm thu có nhiệm vụ đánh giá kết quả của nhiệm vụ khoa học

và công nghệ cấp Bộ trên cơ sở thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt, hợp đồng nghiên cứu và các tài liệu kèm theo, đánh giá, xếp loại theo các mức quy định tại Điều 13 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

6. Tổ chuyên gia có nhiệm vụ thẩm định, đánh giá kết quả sản phẩm dạng III quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN theo Mẫu số 05 (Phụ lục 05.02) ban hành kèm theo Thông tư này trên cơ sở thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt, hợp đồng nghiên cứu và các tài liệu kèm theo, làm cơ sở đề Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ.

7. Hoạt động của Hội đồng nghiệm thu:

a) Hội đồng họp theo 01 trong các phương thức: trực tiếp hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến.

b) Phiên họp Hội đồng phải có sự tham gia của ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó bắt buộc có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt, các ủy viên phân biện.

c) Hội đồng nghiệm thu làm việc theo nguyên tắc dân chủ, độc lập, trung thực, khách quan, khoa học. Hội đồng thảo luận, thống nhất kết luận đối với các ý kiến khác nhau của thành viên (nếu có). Ý kiến kết luận của Hội đồng nghiệm thu được thông qua khi có ít nhất 3/4 số thành viên tham gia nhất trí. Thành viên của Hội đồng nghiệm thu có quyền yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng, chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến tư vấn của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng (trong trường hợp không có ý kiến bảo lưu), giữ bí mật các thông tin nhận được, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

d) Trình tự làm việc của Hội đồng nghiệm thu:

- Thư ký hành chính công bố Quyết định thành lập Hội đồng.
- Đại diện Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu đối với việc đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đối với Hội đồng.
- Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền chủ trì phiên họp.
- Hội đồng cử 01 thành viên làm ủy viên thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập Biên bản phiên họp theo Mẫu 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.
- Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ trình bày tóm tắt trước Hội đồng về quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, báo cáo sản phẩm khoa học và công nghệ và báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, trả lời các câu hỏi của thành viên Hội đồng (nếu có) và không tiếp tục tham dự cuộc họp Hội đồng.
- Tổ trưởng Tổ chuyên gia báo cáo kết quả thẩm định, đánh giá đối với các nhiệm vụ có sản phẩm dạng III theo Mẫu 02, Mẫu 03 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; các thành viên Hội đồng đọc nhận xét đối với kết quả thực hiện nhiệm

vụ theo Mẫu 04 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có); các thành viên Hội đồng nêu ý kiến trao đổi về kết quả nhiệm vụ.

- Các thành viên Hội đồng bỏ phiếu đánh giá, xếp loại nhiệm vụ theo phương thức bỏ phiếu kín theo Mẫu 05 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

- Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên của Hội đồng trong đó có trưởng ban kiểm phiếu và 02 thành viên.

- Thư ký hành chính giúp ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng theo Mẫu 06 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. Ban kiểm phiếu công bố công khai kết quả kiểm phiếu đánh giá tại cuộc họp của Hội đồng.

- Chủ tịch Hội đồng dự thảo kết luận Hội đồng. Trường hợp Hội đồng đánh giá “Không đạt”, cần xác định rõ các nội dung đã thực hiện theo Hợp đồng đề Bộ Y tế xem xét, xử lý theo quy định hiện hành. Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận. Thư ký khoa học hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng. Hội đồng thông qua Biên bản cuộc họp.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 02 năm 2024.

Thông tư số 37/2010/TT-BYT ngày 26 tháng 05 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý đề tài nghiên cứu khoa học và sản xuất thử nghiệm cấp Bộ Y tế hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ, trừ trường hợp tổ chức chủ trì nhiệm vụ đề nghị tại văn bản giải trình bổ sung hoặc có văn bản đề nghị tự nguyện thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 25. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức phổ biến, hướng dẫn và triển khai việc thực hiện Thông tư này.

b) Tổng hợp và công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Khoa học công

nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đặt hàng đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt hằng năm; điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn; thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ trúng tuyển cấp Bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 10, điểm đ khoản 1 Điều 13 Thông tư này, theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Làm đầu mối tổ chức các phiên họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ; Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp; Tổ thẩm định kinh phí; Hội đồng nghiệm thu và Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ; Hội đồng tư vấn điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Đầu mối hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Y tế thực hiện kiểm tra, giám sát việc triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

đ) Xây dựng, cập nhật và quản lý phần mềm quản lý khoa học và công nghệ ngành Y tế.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế trong việc thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ.

b) Tổng hợp, tham mưu trình Lãnh đạo Bộ quyết định phân bổ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp Bộ, trong đó bao gồm cả kinh phí dự phòng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao đột xuất quy định tại Điều 11 Thông tư này.

3. Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai việc thực hiện Thông tư này trong phạm vi quản lý.

b) Phối hợp, tham gia kiểm tra, đánh giá việc triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc địa bàn quản lý.

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ theo đúng quy định tại Thông tư này.

b) Ban hành quy trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở của đơn vị trên cơ sở vận dụng quy định tại Thông tư này.

c) Triển khai đúng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đã được Bộ Y tế phê duyệt.

d) Thực hiện nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ tại đơn vị trước khi gửi hồ sơ về Bộ Y tế. Rà soát, phê duyệt nội bộ về

tính khả thi, hiệu quả, sự phù hợp giữa dự toán kinh phí và nội dung khoa học theo các quy định hiện hành về sử dụng ngân sách nhà nước chỉ cho hoạt động khoa học công nghệ và các quy định hiện hành liên quan.

đ) Sử dụng kinh phí được Bộ Y tế phân bổ để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng hồ sơ thuyết minh, đề cương và các quy định hiện hành liên quan và chịu trách nhiệm về kinh phí sử dụng;

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo) để xem xét, giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Xã hội của Quốc hội (để giám sát);
- Văn phòng Chính phủ (Công báo, Công TTĐTCTP);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc CP;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Y tế các Bộ, Ngành;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế;
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Trang TTĐT Cục KHCN&ĐT;
- Lưu: VT, PC, K2ĐT (05).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Liên Hương

Phụ lục

(Kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BYT ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế)

Phụ lục	Nội dung
Phụ lục I	Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 01	Đề xuất Đề tài/Dự án khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 02	Đề xuất Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
Mẫu 03	Đề xuất Chương trình/Đề án khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 04	Bảng tổng hợp danh mục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
Phụ lục II	Hồ sơ làm việc của Hội đồng tư vấn xác định
Mẫu 01	Biên bản họp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 02	Phiếu nhận xét đề xuất đặt hàng Đề tài/Dự án/Đề án/Dự án sản xuất thử nghiệm/Chương trình cấp Bộ
Mẫu 03	Phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng Đề tài/Dự án khoa học và công nghệ/Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
Mẫu 04	Phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng Chương trình/Đề án khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 05	Kiểm phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 06	Tổng hợp kết quả đánh giá đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 07	Tổng hợp kiến nghị của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với Đề tài/Dự án khoa học và công nghệ/Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ đặt hàng
Mẫu 08	Tổng hợp kiến nghị của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với Đề án/Chương trình khoa học và công nghệ đặt hàng



Phụ lục	Nội dung
Phụ lục III	Hồ sơ làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp
Mẫu 01	Biên bản họp Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 02	Phiếu nhận xét hồ sơ Đề tài/Dự án/Đề án/Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 03	Phiếu nhận xét hồ sơ Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
Mẫu 04	Phiếu đánh giá hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 05	Phiếu đánh giá hồ sơ Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
Mẫu 06	Biên bản kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 07	Bảng tổng hợp kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
Phụ lục IV	Hồ sơ làm việc của Hội đồng nghiệm thu
Mẫu 01	Biên bản họp Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 02	Phiếu nhận xét, thẩm định sản phẩm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 03	Báo cáo thẩm định sản phẩm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 04	Phiếu nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 05	Phiếu đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 06	Biên bản kiểm phiếu đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

Phụ lục I – Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 01 - Đề xuất Đề tài/Dự án khoa học và công nghệ cấp Bộ

CƠ QUAN ĐỀ XUẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20....

ĐỀ XUẤT ĐỀ TÀI/DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Kính gửi: Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế

1. Tên nhiệm vụ:
2. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ: *(Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở cấp Bộ Y tế; tác động và ảnh hưởng đến ngành Y tế v.v..)*
Lưu ý:
 - Nếu là đề xuất đặt hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, nhà nước, Lãnh đạo Bộ cần trích dẫn đầy đủ
 - Nếu đặt hàng từ nguồn đề xuất của các tổ chức, cá nhân cần tóm tắt ngắn gọn)
3. Tính cấp thiết của nhiệm vụ: *(Tổng quan các nhiệm vụ liên quan đã và đang triển khai; tầm quan trọng, đóng góp mới, hiệu quả mang lại, khả năng duy trì và nhân rộng)*
4. Mục tiêu:
5. Dự kiến các nội dung chính cần thực hiện:
6. Dự kiến các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:
7. Dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng các kết quả tạo ra:
8. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:
9. Danh mục tài liệu tham khảo *(liệt kê dưới 10 tài liệu liên quan)*
10. Thông tin liên hệ: Tên tổ chức, cá nhân; Mã định danh điện tử của tổ chức/số định danh cá nhân: ... ; Điện thoại: ... ; e-mail: ; Địa chỉ liên hệ:

Cơ quan đề xuất cam kết có phương án sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành.

... , ngày tháng ... năm ...

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 10 trang giấy khổ A4.*



Phụ lục I – Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 02 - Đề xuất Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ

CƠ QUAN ĐỀ XUẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20....

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

Kính gửi: Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế

1. Tên nhiệm vụ:
2. Xuất xứ của Dự án SXTN (Từ một trong các nguồn sau: Kết quả của các đề tài; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích; kết quả khoa học và công nghệ chuyển giao từ nước ngoài v.v...)
3. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ: (Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở cấp Bộ Y tế; nhu cầu của sản xuất đời sống và khả năng ứng dụng rộng rãi v.v...)

Lưu ý:

- Nếu là đề xuất đặt hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, nhà nước, Lãnh đạo Bộ cần trích dẫn đầy đủ;

- Nếu đặt hàng từ nguồn đề xuất của các tổ chức cá nhân cần tóm tắt ngắn gọn).

4. Mục tiêu:
5. Dự kiến các nội dung chính cần thực hiện:
6. Dự kiến các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:
7. Dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng các kết quả tạo ra:
8. Dự kiến hiệu quả mang lại:
9. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:
10. Xuất xứ hình thành: (Cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài khoa học và công nghệ; Kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả chuyển giao công nghệ)
11. Nhu cầu thị trường (Khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hoá các sản phẩm của dự án)
12. Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: (Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất)
13. Danh mục tài liệu tham khảo: (liệt kê 5-10 tài liệu liên quan)



14. Thông tin liên hệ: Tên tổ chức, cá nhân; Mã định danh điện tử của tổ chức/số định danh cá nhân: ... ; Điện thoại: ... ; e-mail: ; Địa chỉ liên hệ:

Cơ quan đề xuất cam kết có phương án sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành.

... , ngày tháng ... năm ...
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 10 trang giấy khổ A4.*

Phụ lục I – Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
Mẫu 03 - Đề xuất Chương trình/Đề án khoa học và công nghệ cấp Bộ

CƠ QUAN ĐỀ XUẤT CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH/ ĐỀ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Kính gửi: Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế

1. Tên nhiệm vụ:
2. Căn cứ đề xuất: *(Nêu rõ nguồn hình thành của Chương trình/Đề án KH&CN cấp Bộ ...)*
3. Tính cấp thiết của Chương trình/Đề án khoa học: *(Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở cấp Bộ Y tế; mức độ tác động đến phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương v.v...)*

Lưu ý:

- Nếu là đề xuất đặt hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, nhà nước, Lãnh đạo Bộ cần trích dẫn đầy đủ;

- Nếu đặt hàng từ nguồn đề xuất của các tổ chức cá nhân cần tóm tắt ngắn gọn)

4. Mục tiêu:
5. Dự kiến các nội dung chính cần thực hiện *(Mỗi nội dung đặt ra có thể hình thành được một hoặc một số đề tài, dự án SXTN)*
6. Dự kiến kết quả chính và các tiêu chí cần đạt:
7. Dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng các kết quả tạo ra:
8. Dự kiến hiệu quả mang lại:
9. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:
10. Liệt kê tài liệu tham khảo: *(liệt kê dưới 10 tài liệu liên quan)*
11. Thông tin liên hệ: Tên tổ chức, cá nhân; Mã định danh điện tử của tổ chức/số định danh cá nhân: ... ; Điện thoại: ... ; e-mail: ; Địa chỉ liên hệ:

Cơ quan đề xuất cam kết có phương án sử dụng các kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành.

....., ngày tháng ... năm ...

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 10 trang giấy khổ A4.*



Phụ lục I – Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

Mẫu 04 – Bảng tổng hợp danh mục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

I. Lĩnh vực / Chương trình:

TT	Tên đề xuất	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu kết quả	Dự kiến phương án ứng dụng/ sử dụng kết quả	Nguồn đề xuất nhiệm vụ (Tên tổ chức, cá nhân)	Ghi chú
1						
2						
3						
...	...	...	...	...		

Phụ lục II – Hồ sơ làm việc của Hội đồng tư vấn xác định

Mẫu 01. Biên bản họp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

BỘ Y TẾ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ CẤP BỘ NĂM 20...

Loại nhiệm vụ KH&CN: (Đề tài, dự án, đề án, dự án KH&CN hoặc chương trình KH&CN):

.....

A. Những thông tin chung

1. Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ Y tế (Hội đồng tư vấn) chuyên ngành...

.../QĐ-BYT ngày .../.../20... của Bộ trưởng Bộ Y tế

2. Số lượng các đề xuất đặt hàng tư vấn:

3. Phương thức và thời gian họp Hội đồng tư vấn:, ngày.../.../20...

- Số thành viên Hội đồng tư vấn có mặt trên tổng số thành viên: .../...

- Vắng mặt: ... người, gồm các thành viên:

- Khách mời tham dự họp Hội đồng

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1.		
2.		
3.		
4.		
5.		
6.		
7.		
8.		
9.		



B. Nội dung làm việc của Hội đồng (*)

1. Công bố quyết định thành lập Hội đồng tư vấn.
2. Hội đồng thống nhất phương thức làm việc và bầu ông/bà: ... làm thư ký khoa học của Hội đồng.
3. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm:
 - ..., Trưởng ban
 - ..., Thành viên
 - ..., Thành viên
4. Hội đồng tư vấn phân tích thảo luận và cho ý kiến đối với (từng) đề xuất đặt hàng theo các nội dung quy định tại Chương II Thông tư này.
5. Thành viên hội đồng bỏ phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng về các nội dung trên. Tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng tư vấn xác định kèm theo Biên bản này (*Mẫu 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này*).
6. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Hội đồng tư vấn xác định thông qua kết luận về các đề xuất đặt hàng (*Mẫu 07, Mẫu 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này*).
7. Chủ tịch Hội đồng phân công các ủy viên có chuyên môn phù hợp xây dựng dự kiến đặt hàng gồm: tên, mục tiêu, sản phẩm dự kiến, phương thức tổ chức thực hiện cho từng nhiệm vụ.
8. Các ủy viên được phân công trình bày nội dung dự kiến của đề tài đặt hàng cho những đề xuất đặt hàng được đánh giá "Đề nghị thực hiện".
9. Hội đồng tư vấn thảo luận việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện tên gọi và các mục của đề tài đặt hàng theo các yêu cầu nêu tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này và thống nhất thông qua từng mục nói trên.
10. Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện tuyển chọn hoặc giao trực tiếp đối với đề tài đặt hàng.
11. Hội đồng tư vấn thảo luận xác định nguồn đề xuất nhiệm vụ để hình thành đề xuất đặt hàng và làm căn cứ khuyến khích ưu tiên theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013, khoản 5 Điều 29 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ trong quá trình tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.
12. Hội đồng tư vấn thảo luận việc xếp thứ tự ưu tiên (trong trường hợp có 02 đề tài trở lên) và biểu quyết đối với việc xếp thứ tự ưu tiên này. Kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn kèm theo biên bản này (*Mẫu 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; Mẫu 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này*).



12. Đối với đề xuất đặt hàng được đề nghị “Không thực hiện”, Hội đồng tư vấn thống nhất ý kiến về lý do không đề nghị thực hiện.

13. Hội đồng tư vấn thảo luận, thống nhất kết luận đối với các ý kiến khác nhau của ủy viên (nếu có).

14. Hội đồng thông qua Biên bản làm việc (Gồm các nội dung và thông tin theo danh mục tổng hợp kèm theo).

Thư ký khoa học của Hội đồng

(Họ, tên và chữ ký)

Chủ tịch Hội đồng

(Họ, tên và chữ ký)

**) Chỉ để lại những nội dung thích hợp từ nội dung 5 đến nội dung 10 Phần B*

Phụ lục II – Hồ sơ làm việc của Hội đồng tư vấn xác định
Mẫu 02. Phiếu nhận xét đề xuất đặt hàng Đề tài/Dự án/Đề án/Dự án sản xuất thử nghiệm/Chương trình cấp Bộ

BỘ Y TẾ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**PHIẾU NHẬN XÉT
ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG ĐỀ TÀI/ DỰ ÁN/ĐỀ ÁN/ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ
NGHIỆM/ CHƯƠNG TRÌNH CẤP BỘ**

Ủy viên phản biện/Chuyên gia	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên ủy viên Hội đồng tư vấn:

Tên đề tài/dự án/đề án/dự án sản xuất thử nghiệm/chương trình đề xuất:

I. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG

1.1 Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển, định hướng của ngành y tế

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Hoặc không đạt yêu cầu ☐

1.2 Tính cấp thiết, tầm quan trọng của việc thực hiện nhiệm vụ:

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Hoặc không đạt yêu cầu ☐

1.3 Giải quyết các vấn đề có quy mô và tầm quan trọng của ngành y tế

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Hoặc không đạt yêu cầu ☐

1.4 Khả năng không trùng lặp của đề xuất với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Hoặc không đạt yêu cầu ☐



1.5 Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào thực tiễn

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Hoặc không đạt yêu cầu ☐

1.6 Về xuất xứ công nghệ (chỉ áp dụng đối với dự án sản xuất thử nghiệm)

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Hoặc không đạt yêu cầu ☐

1.7 Khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện (chỉ áp dụng đối với dự án sản xuất thử nghiệm)

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Hoặc không đạt yêu cầu ☐

Kiến nghị của ủy viên Hội đồng tư vấn: (đánh dấu X vào 1 trong 3 ô dưới đây)

☐ Đề nghị không thực hiện

☐ Đề nghị thực hiện

☐ Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây:

II. DỰ KIẾN ĐỀ TÀI/DỰ ÁN/ĐỀ ÁN/DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM/CHƯƠNG TRÌNH ĐẶT HÀNG

Dự kiến tên đề tài/dự án/đề án/dự án sản xuất thử nghiệm/chương trình đặt hàng:

.....

Định hướng mục tiêu:

.....

Yêu cầu đối với kết quả:

.....

(Lưu ý:

Đối với đề tài ứng dụng và phát triển công nghệ cần nêu rõ 2 yêu cầu:

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ
- Yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm

Đối với Dự án SXTN: các yêu cầu đối với chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt của các sản phẩm và quy mô sản xuất thử nghiệm)

....., ngày ... tháng ... năm 20...

(Ủy viên Hội đồng tư vấn ký, ghi rõ họ tên)



Phụ lục II – Hồ sơ làm việc của Hội đồng tư vấn xác định

Mẫu 03. Phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng Đề tài/Dự án khoa học và công nghệ/Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ

BỘ Y TẾ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng ... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG ĐỀ TÀI/DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ/
DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ**

Tên đề tài/dự án/dự án sản xuất thử nghiệm đề xuất:.....

Đánh giá của ủy viên Hội đồng tư vấn: (đánh dấu X vào 1 trong 2 ô)

1. Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển, định hướng của ngành y tế

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

2. Tính cấp thiết, tầm quan trọng của việc thực hiện nhiệm vụ:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

3. Giải quyết các vấn đề có quy mô và tầm quan trọng của ngành y tế

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

4. Khả năng không trùng lặp của đề xuất với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

5. Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào thực tiễn

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

6. Về xuất xứ công nghệ (chỉ áp dụng đối với dự án sản xuất thử nghiệm)

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

7. Khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện (chỉ áp dụng đối với dự án sản xuất thử nghiệm)

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

Kết luận chung:

☐ Đề nghị thực hiện

☐ Đề nghị không thực hiện

....., ngày ... tháng ... năm ...

(Ủy viên Hội đồng tư vấn ký, ghi rõ họ và tên)



**Phụ lục II – Hồ sơ làm việc của Hội đồng tư vấn xác định
Mẫu 04. Phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng Chương trình/Đề án khoa học và công nghệ cấp Bộ**

BỘ Y TẾ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ ÁN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

Tên đề án đề xuất :.....

Đánh giá của ủy viên Hội đồng tư vấn: (đánh dấu X vào 1 trong 2 ô)

1. Phù hợp với các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

2. Tính cấp thiết và triển vọng ứng dụng của các kết quả tạo ra vào việc xây dựng và hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

3. Có quy mô và tầm quan trọng đối với ngành y tế của vấn đề khoa học đặt ra trong đề xuất đặt hàng

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

4. Khả năng không trùng lặp với các nhiệm vụ KH&CN đã và đang thực hiện

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

5. Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng của các kết quả tạo ra vào việc xây dựng và hoạch định chính sách

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

Kết luận chung:

☐ Đề nghị thực hiện;

☐ Đề nghị không thực hiện

....., ngày ... tháng ... năm ...

(Ủy viên Hội đồng tư vấn ký, ghi rõ họ và tên)



Phụ lục II – Hồ sơ làm việc của Hội đồng tư vấn xác định

Mẫu 05. Kiểm phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

BỘ Y TẾ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... .., ngày... tháng... năm 20...

KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Loại hình nhiệm vụ KH&CN:

Số thành viên hội đồng tham gia bỏ phiếu:

Số TT	Tên đề xuất đặt hàng	Tổng hợp đánh giá theo các nội dung của các thành viên Hội đồng															
		Nội dung 1*		Nội dung 2*		Nội dung 3*		Nội dung 4*		Nội dung 5*		Nội dung 6*		Nội dung 7*		Kết luận chung	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Thực hiện	Không thực hiện
1																	
2																	
3																	
...																	

Các thành viên Ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký của từng thành viên)

Trưởng Ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký)

*) Ghi chú: Nội dung đánh giá phụ thuộc vào loại hình nhiệm vụ KH&CN

Phụ lục II – Hồ sơ làm việc của Hội đồng tư vấn xác định

Mẫu 06. Tổng hợp kết quả đánh giá đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ.

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

Loại nhiệm vụ KH&CN: (Đề tài, dự án, đề án, dự án KH&CN hoặc Chương trình KH&CN)

I. Đề xuất đặt hàng “đề nghị thực hiện”*

TT	Tên đề xuất đặt hàng	Kết quả đánh giá của hội đồng	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

*) Đề xuất đặt hàng “đề nghị thực hiện” khi có trên $\frac{3}{4}$ tổng số phiếu đánh giá “Đạt yêu cầu”

II. Đề xuất đặt hàng đề nghị “không thực hiện”

TT	Tên đề xuất đặt hàng	Tóm tắt lý do đề nghị “không thực hiện”	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

Thư ký khoa học
(Họ, tên và chữ ký)

Chủ tịch Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)



Phụ lục II – Hồ sơ làm việc của Hội đồng tư vấn xác định
Mẫu 07. Tổng hợp kiến nghị của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ
đối với Đề tài/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ đặt hàng

BỘ Y TẾ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI ĐỀ TÀI, DỰ ÁN, DỰ ÁN SẢN XUẤT
THỬ NGHIỆM CẤP BỘ ĐẶT HÀNG**

(Đã xếp thứ tự ưu tiên)

TT	Tên	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả*	Phương thức tổ chức thực hiện	Xác định nguồn đề xuất nhiệm vụ (Tên tổ chức, cá nhân đề xuất)	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/dự án/đề án ...)
1						
2						
3						
...						

Thư ký khoa học
(Họ, tên và chữ ký)

Chủ tịch Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

*) Ghi chú:

Đối với đề tài ứng dụng và phát triển công nghệ cần thể hiện rõ các yêu cầu về:

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ và
- Yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.
- Đối với Dự án SXTN: Các yêu cầu đối với chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt của các sản phẩm và quy mô Sản xuất thử nghiệm.



Phụ lục II – Hồ sơ làm việc của Hội đồng tư vấn xác định

Mẫu 08. Tổng hợp kiến nghị của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với Đề án/Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ đặt hàng

BỘ Y TẾ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI ĐỀ ÁN/CHƯƠNG TRÌNH
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ ĐẶT HÀNG**

TT	Tên	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Xác định nguồn đề xuất nhiệm vụ (Tên tổ chức, cá nhân đề xuất)
1					
2					
3					
...					

Thư ký khoa học
(Họ, tên và chữ ký)

Chủ tịch Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)



Phụ lục III – Hồ sơ làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp
Mẫu 01- Biên bản họp Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

BỘ Y TẾ
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

A. Thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:

.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng

Số...../QĐ-BYT... ngày/...../20... của Bộ trưởng Bộ Y tế

3. Địa điểm và thời gian, ngày/...../20...

4. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên/.....người. Vắng mặt
..... người, gồm các thành viên:

.....

.....

5. Đại biểu tham dự họp hội đồng:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác

6. Hội đồng nhất trí cử Ông/Bà là thư ký khoa học của hội đồng.

B. Nội dung làm việc của hội đồng (ghi chép của thư ký khoa học):

.....

.....



(Chi tiết ý kiến của các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự trong tài liệu kèm theo)

C. Bỏ phiếu đánh giá

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban:

- Hai thành viên:

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ đăng ký.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN trong biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu

Căn cứ kết quả kiểm phiếu và quy định tại điểm a khoản 8 Điều 11 của Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, Hội đồng kiến nghị tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển chủ trì đề tài/dự án/đề án/dự án SXTN/chương trình nêu trên:

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng

1. Phương thức khoán chi:

1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐

1.2 Khoán chi từng phần ☐

2. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

3. Kiến nghị những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi:

.....

4. Các kiến nghị khác (nếu có):

.....

Hội đồng đề nghị Bộ Y tế xem xét và quyết định.

THƯ KÝ KHOA HỌC

(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)



[illegible]

(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục III – Hồ sơ làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp
Mẫu 02- Phiếu nhận xét hồ sơ Đề tài/Dự án/Đề án/Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ

PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ
ĐỀ TÀI/DỰ ÁN/ ĐỀ ÁN/CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP BỘ

Ủy viên phản biện/Chuyên gia	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

3. Nhận xét theo nhóm tiêu chí đánh giá:

Nhóm tiêu chí đánh giá	Nhận xét của chuyên gia				
	4	3	2	1	0
3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu [Mục 15, 16]					
- Tính khoa học và thực tiễn trong việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu					
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước (mức độ phân tích và cập nhật đầy đủ)					
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:</i>					
3.2. Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng [Mục 17, 18]					
- Các nội dung nghiên cứu và bố trí nhân lực thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng					
- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra					
- Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu					
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:</i>					



3.3. Sản phẩm khoa học và công nghệ [Mục 22]	
- Đầy đủ và đáp ứng yêu cầu đặt hàng (định lượng và định tính)	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
- Đào tạo sau đại học	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:</i>	
3.4. Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống [Mục 23,24,25]	
- Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
- Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu cho cơ quan đề xuất đặt hàng, cơ quan/tổ chức ứng dụng.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:</i>	
3.5. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện [Mục 18,19, 20, 21, 26, phần IV và giải trình các khoản chi của dự toán]	
- Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp, hợp tác quốc tế, thuê chuyên gia, tiến độ thực hiện và phương án trang bị, quản lý, xử lý tài sản.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
- Dự toán phù hợp với nội dung công việc, sản phẩm dự kiến tạo ra của nhiệm vụ và tổng mức kinh phí.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:</i>	
3.6. Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia [Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]	
- Tổ chức chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ (nhân lực và cơ sở trang thiết bị).	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:</i>	
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém



3.7. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày tháng năm 20....

(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)



Phụ lục III – Hồ sơ làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp
Mẫu 03- Phiếu nhận xét hồ sơ Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ

**PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ
DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ**

Ủy viên phản biện/Chuyên gia	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
Tên tổ chức:	
Họ và tên cá nhân:	

3. Nhận xét theo nhóm tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí nhận xét	Nhận xét của chuyên gia				
	4	3	2	1	0
3.1. Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án [Mục 12, 13]					
- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án.					
- Khả năng triển khai và hoàn thiện công nghệ, khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh sản xuất của dự án.					
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:					
3.2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 14, 15, 16 và phụ lục 8]					
- Mức độ hợp lý của các vấn đề công nghệ mà dự án đề xuất cần giải quyết để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng.					
- Tính hợp lý các nội dung cần triển khai thực hiện .					
- Tính khả thi của phương án thực hiện.					
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:					
3.3. Tính mới và tính khả thi của công nghệ [Mục 13, 18]					



- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước.	
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án; Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:</i>	
3.4. Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án [Mục 13.3, 13.5, 19 và phụ lục 9]	
- Làm rõ các thông số của sản phẩm và công nghệ	
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án.	
- Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng, hiệu quả kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng	
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:</i>	
3.5. Sản phẩm khoa học và công nghệ [Mục 18]	
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:</i>	
3.6. Phương án tài chính [Mục 13.4, 16.4, Phần III, các phụ lục từ số 1 đến 7 và văn bản pháp lý cam kết huy động vốn]	
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	
- Sự phù hợp của tổng dự toán và dự toán chi tiết.	
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:</i>	
3.7. Năng lực thực hiện [Mục 11, 13.4, 16 và Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]	
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ nhiệm dự án và các thành viên thực hiện chính.	
- Điều kiện và năng lực của tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 7:</i>	
Ý kiến đánh giá tổng hợp	

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém



3.8. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của dự án sản xuất thử nghiệm

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của dự án sản xuất thử nghiệm.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của dự án sản xuất thử nghiệm.

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày tháng năm 20....

(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

Phụ lục III – Hồ sơ làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp
Mẫu 04- Phiếu đánh giá hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

BỘ Y TẾ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

3. Đánh giá

Nhóm tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu [Mục 15, 16]						2			12
- Tính khoa học và thực tiễn trong việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐				
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước (mức độ phân tích và cập nhật đầy đủ)	☐	☐	☐	☐	☐	1			
3.2. Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng [Mục 17, 18]									24



Nhóm tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
- Các nội dung nghiên cứu và bố trí nhân lực thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng	☐	☐	☐	☐	☐	3			
- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra	☐	☐	☐	☐	☐	2			
- Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	1			
3.3. Sản phẩm khoa học và công nghệ [Mục 22]									
- Đầy đủ và đáp ứng yêu cầu đặt hàng (định lượng và định tính)	☐	☐	☐	☐	☐	3			16
- Khả thi về đào tạo sau đại học	☐	☐	☐	☐	☐	1			
3.4. Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống [Mục 23, 24, 25]									
- Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra.	☐	☐	☐	☐	☐	1			16
- Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu cho cơ quan đề xuất đặt hàng (tên, địa chỉ).	☐	☐	☐	☐	☐	3			
3.5. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện [Mục 18, 19, 20, 21, 26, phần IV và giải trình các khoản chi của dự toán]									
- Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp, hợp tác quốc tế, thuê chuyên gia, tiến độ thực hiện và trang bị, quản lý, xử lý tài sản.	☐	☐	☐	☐	☐	2			16
- Dự toán phù hợp với nội dung, sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài và tổng mức kinh phí.	☐	☐	☐	☐	☐	2			

Nhóm tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
3.6. Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia [Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]									
- Tổ chức chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ (nhân lực và cơ sở trang thiết bị).	☐	☐	☐	☐	☐	2			16
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.	☐	☐	☐	☐	☐	2			
Ý kiến đánh giá tổng hợp									100

Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại điểm a khoản 8 Điều 11 của Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước)

3.7. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài/dự án/chương trình/đề án

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài/dự án/chương trình/đề án

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài/dự án/chương trình/đề án

Nhận xét, kiến nghị:

.....

Ngày tháng năm 20...
 (Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)



Phụ lục III – Hồ sơ làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp
Mẫu 05- Phiếu đánh giá hồ sơ Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ

BỘ Y TẾ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ
DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì Tên tổ chức: Họ và tên cá nhân:	

3. Đánh giá về khía cạnh khoa học.

Tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
3.1. Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án [Mục 12, 13]						1			8
- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án.	☐	☐	☐	☐	☐				
- Khả năng triển khai và hoàn thiện công nghệ, khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh sản xuất của dự án.	☐	☐	☐	☐	☐	1			
3.2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 14, 15, 16 và phụ lục 8]						1			20
- Mức độ hợp lý của các vấn đề công nghệ mà dự án đề xuất cần giải quyết để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng.	☐	☐	☐	☐	☐				



- Tính hợp lý các nội dung cần triển khai thực hiện.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			
- Tính khả thi của phương án thực hiện.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			
3.3. Tính mới và tính khả thi của công nghệ [Mục 13, 18]					
- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	1			12
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án; Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			
3.4. Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án [Mục 13.3, 13.5, 19 và phụ lục 9]					
- Làm rõ các thông số của sản phẩm và công nghệ	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	1			12
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	1			
- Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng, hiệu quả kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	1			
3.5. Sản phẩm khoa học và công nghệ [Mục 18]	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	4			16
3.6. Phương án tài chính [Mục 13.4, 16.4, Phần III, các phụ lục từ số 1 đến 7 và văn bản pháp lý cam kết huy động vốn]					
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			16
- Sự phù hợp của tổng dự toán và dự toán chi tiết.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			
3.7. Năng lực thực hiện [Mục 11, 13.4, 16 và hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]					16

- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ nhiệm dự án và các thành viên thực hiện chính.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			
- Điều kiện và năng lực của tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			
Ý kiến đánh giá tổng hợp					100

Ghi chú: *Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:*

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại điểm a khoản 8 Điều 11 của Thông tư số 04/2023/TT-BKH&CN ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước)

4. Đánh giá về khía cạnh đạo đức

(đối với các nghiên cứu y sinh học trên đối tượng con người)

☐ Đạt

☐ Đạt, cần sửa chữa bổ sung

☐ Không đạt

5. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của dự án

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của dự án.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của dự án.

Nhân xét, kiến nghị:

.....

Ngày tháng năm 20...
(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)



Phụ lục III – Hồ sơ làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp
Mẫu 06- Biên bản kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức,
cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

BỘ Y TẾ
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

... .., ngày tháng năm

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

Tên nhiệm vụ:	
Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: <i>Tên tổ chức:</i> <i>Họ và tên cá nhân:</i>	

1. Số phiếu phát ra:	2. Số phiếu thu về:
3. Số phiếu hợp lệ:	4. Số phiếu không hợp lệ:

I. Kết quả đánh giá về khía cạnh khoa học

TT	Ủy viên	Nhóm tiêu chí đánh giá							Tổng số điểm
		Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	Tiêu chí 6	Tiêu chí 7 ¹	
1	Ủy viên thứ nhất								
2	Ủy viên thứ hai								
3	Ủy viên thứ ba								

¹ Tiêu chí này dành cho dự án sản xuất thử nghiệm



4									
5									
6									
...									
	Tổng số điểm trung bình								

II. Kết quả đánh giá về khía cạnh đạo đức
(đối với các nghiên cứu y sinh học trên đối tượng con người)

TT	Ủy viên	Nhóm tiêu chí đánh giá		
		Đạt	Đạt, cần sửa chữa bổ sung	Không đạt
1	Ủy viên thứ nhất			
2	Ủy viên thứ hai			
3	Ủy viên thứ ba			
4				
5				
6				
...				
	Tổng số			

III. Kết quả đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ

TT	Ủy viên	Phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ	
		Phù hợp	Không phù hợp
1	Chủ tịch		
2	Phó Chủ tịch		



3	Ủy viên phản biện 1		
4	Ủy viên phản biện 2		
5	Ủy viên		
6			
7			
....			

Các thành viên ban kiểm phiếu

Thành viên thứ 1
(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên thứ 2
(Họ, tên và chữ ký)

Trưởng ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký)



Phụ lục III – Hồ sơ làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp
Mẫu 07- Bảng tổng hợp kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức,
cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

BỘ Y TẾ
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

Tên nhiệm vụ:

.....
.....

TT	Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì	Tổng điểm trung bình của các thành viên hội đồng	Phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ
1			thành viên đánh giá phù hợp/.....thành viên đánh giá không phù hợp (trong đó cóủy viên phản biện đánh giá phù hợp)
...			

Các thành viên ban kiểm phiếu
Thành viên thứ 1 Thành viên thứ 2
(Họ, tên và chữ ký) (Họ, tên và chữ ký)

Trưởng ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký)



Phụ lục IV – Hồ sơ làm việc của Hội đồng nghiệm thu

Mẫu 01 – Biên bản họp Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

BỘ Y TẾ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU KẾT QUẢ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN
CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

I. Những thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số nhiệm vụ:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia (nếu có)

Số: /QĐ- ngày .../.../20... của

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Thời gian:

- Bắt đầu:

- Kết thúc:

Địa điểm:

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:

Vắng mặt: người, gồm:

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng

TT	Đơn vị công tác	Họ và tên
1		
2		



II. Nội dung làm việc của Hội đồng

Sau khi Ông/Bà đại diện cơ quan nghiệm thu công bố quyết định thành lập hội đồng đánh giá, nghiệm thu, danh sách các thành viên hội đồng và giới thiệu các đại biểu tham dự phiên họp,

1. Chủ tịch (hoặc phó Chủ tịch) điều khiển phiên họp hội đồng:

- Thông qua chương trình làm việc của hội đồng;
- Bầu là thư ký khoa học
- Bầu là thành viên ban kiểm phiếu;

2. Hội đồng đã nghe Chủ nhiệm nhiệm vụ trình bày báo cáo tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện, báo cáo các sản phẩm khoa học và tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Hội đồng đã trao đổi nêu câu hỏi đối với Chủ nhiệm nhiệm vụ;

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng; cung cấp thông tin, giải trình và bảo vệ kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

5. Hội đồng họp riêng:

5.1. Hội đồng đã nghe:

- Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có);
- Phiếu nhận xét của uỷ viên phản biện;
- Phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có).

5.2. Hội đồng trao đổi, thảo luận:

- Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các uỷ viên phản biện và thành viên tổ chuyên gia về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.
- Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan; kết quả đo đạc kiểm định lại những thông số kỹ thuật (nếu có); Hội đồng đã tham khảo Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và các Phiếu nhận xét đánh giá của các uỷ viên phản biện; trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả của nhiệm vụ theo từng nội dung theo quy định; Hội đồng đã thực hiện đánh giá kết quả của nhiệm vụ theo mẫu.

5.3. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

6. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá:

6.1. Về mức độ đáp ứng được yêu cầu số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm theo đặt hàng và họp đồng NCKH của các kết quả thực hiện nhiệm vụ:

a) Về chủng loại sản phẩm so với đặt hàng:



b) Về số lượng, khối lượng sản phẩm so với đặt hàng:

c) Về sản phẩm khoa học đạt vượt hợp đồng; những đóng góp khoa học mới của nhiệm vụ (nếu có):

6.2. Về chất lượng sản phẩm và giá trị khoa học, giá trị thực tiễn của các kết quả thực hiện nhiệm vụ

6.3. Về tuân thủ đạo đức trong nghiên cứu (nếu có)

6.4. Kết quả đánh giá xếp loại chung của nhiệm vụ:

a) Kết quả đánh giá, xếp loại của Hội đồng ở mức sau (đánh ✓ vào ô tương ứng):

☐ Xuất sắc ☐ Đạt ☐ Không đạt

b) Phần luận giải của hội đồng khoa học về kết quả đánh giá, xếp loại (chọn ✓ vào ô tương ứng và luận giải):

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại “xuất sắc” bởi những lý do cụ thể dưới đây:

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại “đạt” bởi những lý do cụ thể dưới đây:

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại “không đạt” bởi những lý do cụ thể dưới đây:

-

Những nội dung đã thực hiện và chưa thực hiện theo hợp đồng:

-

6.5. Kiến nghị của Hội đồng:

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt ở những vấn đề sau (nếu có):

b) Bộ Y tế nghiệm thu các sản phẩm dưới đây:

Danh mục sản phẩm khoa học đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và hợp đồng:

STT	Tên sản phẩm	Ghi chú
1		
2		
3		
.....		

c) Chuyên giao, sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ:

(nêu cụ thể cơ quan, địa chỉ áp dụng, sử dụng từng kết quả thực hiện nhiệm vụ)

d) Công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ:

đ) Không công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ:



Biên bản họp hội đồng được thông qua với sự thống nhất của các thành viên Hội đồng dự họp vào ngày tháng năm....

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VÀ ĐẠI BIỂU

[illegible]

THƯ KỸ KHOA HỌC

(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục IV – Hồ sơ làm việc của Hội đồng nghiệm thu

Mẫu 02 - Phiếu nhận xét, thẩm định sản phẩm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

BỘ Y TẾ
TỔ CHUYÊN GIA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

**PHIẾU NHẬN XÉT, THẨM ĐỊNH SẢN PHẨM
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

Tên nhiệm vụ:

Mã số:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ:
- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

Chuyên gia tổ thẩm định:

Họ và tên chuyên gia (chức danh khoa học, học vị):

1. Đánh giá nhận xét, thẩm định về tài liệu công nghệ

(Nhận xét, đánh giá về tính xác thực của các thông tin trong tài liệu công nghệ, thiết kế; báo cáo thử nghiệm, ứng dụng; các văn bản đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm KH&CN của nhiệm vụ được các tổ chức đo đạc có thẩm quyền chứng nhận; các văn bản xác nhận khác có liên quan đến sản phẩm của nhiệm vụ).

Nhận xét:

.....
.....
.....

2. Đánh giá về mức độ hoàn thành về số lượng, khối lượng, chủng loại của các sản phẩm theo đặt hàng

Số TT	Tên sản phẩm	Theo đặt hàng	Thực tế thực hiện	Ghi chú (đủ, chưa đủ...)

(Về mức độ hoàn thành, tính xác thực của chủng loại, số lượng, khối lượng các sản phẩm theo đăng ký...)



Nhận xét:

.....

.....

.....

.....

3. Đánh giá mức độ đạt được của các chỉ tiêu chất lượng của các sản phẩm so với đặt hàng:

Số TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị đo	Theo đặt hàng	Đã thực hiện	Ghi chú (đạt/chưa đạt...)

(Về mức độ hoàn thành, tính xác thực của các chỉ tiêu chất lượng hoặc yêu cầu khoa học cần đạt...)

Nhận xét:

.....

.....

.....

.....

4. Các nhận xét khác, đánh giá chung về kết quả của nhiệm vụ:

(Nêu đánh giá chung, nhận xét về tính hình ứng dụng các kết quả của nhiệm vụ)

.....

.....

.....

.....

.....

CHUYÊN GIA NHẬN XÉT

(Họ, tên và chữ ký)



Phụ lục IV – Hồ sơ làm việc của Hội đồng nghiệm thu

Mẫu 03 - Báo cáo thẩm định sản phẩm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

BỘ Y TẾ
TỔ CHUYÊN GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SẢN PHẨM
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

I. Thông tin chung:

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Tổng kinh phí thực hiện:

triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH:

triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác:

triệu đồng.

3. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu:

Kết thúc:

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có):

4. Thời gian tiến hành thẩm định: ngày ... tháng... năm 20....

II. Nội dung kiểm tra, thẩm định:

1. Kiểm tra, thẩm định chi tiết các sản phẩm của nhiệm vụ và tài liệu có liên quan đến sản phẩm của nhiệm vụ (*mẫu sản phẩm; tài liệu thiết kế; báo cáo thử nghiệm, ứng dụng; các văn bản đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm KH&CN của nhiệm vụ được các cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp chứng nhận; các văn bản xác nhận khác có liên quan đến sản phẩm của nhiệm vụ*) gồm:

.....

2. Khảo sát tại hiện trường, đo đạc lại các thông số kỹ thuật của sản phẩm KH&CN (*mẫu sản phẩm; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi; mô hình thử nghiệm*), gồm:

.....



3. Nhận xét, đánh giá:

3.1. Mức độ hoàn thành về số lượng, khối lượng, chủng loại của các sản phẩm:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng, khối lượng theo đặt hàng	Số lượng, khối lượng thực tế thực hiện	Nhận xét (đủ, chưa đủ...)
1				
2				
3				

Nhận xét chung:

3.2. Mức độ đạt được của các chỉ tiêu chất lượng của các sản phẩm so với đặt hàng:

Số TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị đo	Theo đặt hàng	Đã thực hiện	Nhận xét (đạt/chưa đạt...)
1					
2					
3					

(Về mức độ hoàn thành, tính xác thực của các chỉ tiêu chất lượng hoặc yêu cầu khoa học cần đạt...)

Nhận xét chung:

3.3. Các nhận xét khác, đánh giá chung về kết quả của nhiệm vụ:

(Nếu đánh giá chung, nhận xét về tình hình ứng dụng các kết quả của nhiệm vụ)

CÁC THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN GIA TỔ TRƯỞNG TỔ CHUYÊN GIA
(Họ, tên và chữ ký từng thành viên) (Họ, tên và chữ ký)



Phụ lục IV – Hồ sơ làm việc của Hội đồng nghiệm thu

Mẫu 04 - Phiếu nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

BỘ Y TẾ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU KẾT
QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

**PHIẾU NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

Ủy viên phản biện/Chuyên gia	
------------------------------	--

Ủy viên:	
----------	--

1. Tên nhiệm vụ:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ:
- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Chuyên gia nhận xét:

Họ và tên chuyên gia (chức danh khoa học, học vị):

Chuyên gia nhận Hồ sơ: ngày tháng năm 20...

3. Nhận xét:

3.1. Về báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả:

Nhận xét cụ thể, chi tiết về mức độ rõ ràng, lô-gíc của báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt; tổng quan các vấn đề liên quan đến nội dung của nhiệm vụ, mức độ tiên tiến, hiện đại của phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng; tác động của kết quả đối với kinh tế, xã hội; mức độ sẵn sàng chuyển giao kết quả nghiên cứu và tài liệu cần thiết kèm theo (các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...) v.v. Để kết luận, chuyên gia chỉ rõ bản báo cáo đã hoàn thiện chưa? Cần phải sửa chữa, bổ sung những điểm gì hoặc không đạt yêu cầu.

3.2. Về chủng loại sản phẩm so với đặt hàng:

(Căn cứ vào đặt hàng của Bộ chủ trì nhiệm vụ, chuyên gia cần phân tích, đánh giá mức độ đầy đủ về chủng loại sản phẩm so với hợp đồng đã ký kết)



.....

3.3. Về số lượng, khối lượng sản phẩm so với đặt hàng:

(Căn cứ vào đặt hàng của Bộ chủ trì nhiệm vụ, chuyên gia cần phân tích, đánh giá mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng sản phẩm so với hợp đồng đã ký kết)

.....

3.4. Về chất lượng sản phẩm so với đặt hàng:

(Căn cứ vào đặt hàng của Bộ chủ trì nhiệm vụ, chuyên gia cần phân tích, đánh giá chi tiết, cụ thể đối với từng chỉ tiêu về chất lượng đối với mỗi sản phẩm theo đặt hàng, có nhận xét chính xác, khách quan)

.....

3.5. Về tiến độ thực hiện:

(Căn cứ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn và thời điểm nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu)

.....

4. Về tuân thủ đạo đức trong nghiên cứu (Nếu có)

5. Nhận xét chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Xuất sắc ☐

Lý do cụ thể:

.....

Đạt ☐

Lý do cụ thể:

.....

Không đạt ☐

Lý do cụ thể *(cần ghi rõ những nội dung đã/chưa thực hiện so với hợp đồng)*

.....

6. Các tồn tại và đề xuất hướng/biện pháp giải quyết (bắt buộc):

.....

CHUYÊN GIA NHẬN XÉT

(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục IV – Hồ sơ làm việc của Hội đồng nghiệm thu
Mẫu 05 - Phiếu đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

BỘ Y TẾ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU KẾT
QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

1. Thông tin chung về nhiệm vụ:

- Tên nhiệm vụ:
- Mã số nhiệm vụ:
- Loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ:
 - + Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: ☐
 - + Nhiệm vụ khoa học xã hội và nhân văn: ☐
- Thuộc Chương trình:
 - Chủ nhiệm nhiệm vụ:
 - Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Chuyên gia đánh giá:

- Họ và tên chuyên gia (*chức danh khoa học, học vị*):
- Chuyên gia nhận Hồ sơ: ngày ... tháng năm 20...

3. Đánh giá:

3.1. Đánh giá báo cáo tổng hợp:

Xuất sắc: ☐

Báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu tại khoản 2, Điều 12 Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN

Đạt: ☐

Báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện

Không đạt: ☐

Không thuộc 2 trường hợp trên

3.2. Đánh giá về số lượng, khối lượng sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Số lượng, khối lượng sản phẩm					Ghi chú (Giải thích về kết quả đánh giá của chuyên gia)
		Theo đặt hàng	Thực tế đạt được	Đánh giá của chuyên gia			
				Xuất sắc	Đạt	Khôn g đạt	
1	Sản phẩm thứ 1						
2	Sản phẩm thứ 2						
...							

3.3. Đánh giá về chất lượng sản phẩm

STT	Tên sản phẩm	Chất lượng					Ghi chú <i>(Giải thích về kết quả đánh giá của chuyên gia)</i>
		Theo đặt hàng	Thực tế đạt được	Đánh giá của chuyên gia			
				Xuất sắc	Đạt	Không đạt	
1	<i>Sản phẩm thứ 1</i>						
2	<i>Sản phẩm thứ 2</i>						
...	...						

3.4. Đánh giá về tuân thủ đạo đức trong nghiên cứu (nếu có)

3.5. Đánh giá về chủng loại sản phẩm:

Xuất sắc: ☐

Khi số lượng chủng loại vượt mức theo đặt hàng

Đạt: ☐

Khi số lượng chủng loại đủ theo đặt hàng

Không đạt: ☐

Khi không đáp ứng đặt hàng

3.6. Đánh giá về thời gian nộp hồ sơ:

Nộp đúng hạn: ☐

Nộp chậm từ 30 ngày đến 06 tháng: ☐



Nộp chậm trên 06 tháng:

☐

4. Xếp loại nhiệm vụ (đánh dấu X vào ô tương ứng phù hợp):

- **Xuất sắc:** ☐

Khi 100% tiêu chí về sản phẩm đều đạt xuất sắc, báo cáo tổng hợp đạt yêu cầu trở lên

- **Đạt yêu cầu:** ☐

Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau

+ *Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức đạt trở lên.*

+ *Ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng).*

+ *Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên*

- **Không đạt:** ☐

Không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

5. Ý kiến đánh giá khác (nếu có):

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)



Phụ lục IV – Hồ sơ làm việc của Hội đồng nghiệm thu

Mẫu 06 – Biên bản kiểm phiếu đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

BỘ Y TẾ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU KẾT
QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

1. Thông tin chung về nhiệm vụ:

- Tên nhiệm vụ:
- Mã số nhiệm vụ:
- Loại nhiệm vụ:
 - + Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: ☐
 - + Nhiệm vụ khoa học xã hội và nhân văn: ☐
- Thuộc Chương trình:
- Chủ nhiệm nhiệm vụ:
- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Kết quả đánh giá:

- Số phiếu phát ra: - Số phiếu thu về:
- Số phiếu hợp lệ: - Số phiếu không hợp lệ:

Họ và tên thành viên Hội đồng tư vấn	Kết quả đánh giá			Ghi chú
	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	
Thành viên 1				
.....				
Tổng số:				

3. Xếp loại nhiệm vụ* (Theo khoản 2 Điều 13 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN):

Xuất sắc: Nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 thành viên hội đồng có mặt nhất ☐
trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức
“Không đạt”;

Không đạt: Nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên hội đồng có ☐
mặt đánh giá mức “Không đạt”.

Đạt yêu cầu: Không thuộc 2 trường hợp trên ☐

*Đánh dấu X vào ô tương ứng

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM PHIẾU
(Họ, tên và chữ ký)

ỦY VIÊN TỔ KIỂM PHIẾU
(Họ, tên và chữ ký)